

Số: /BC-UBND

Lý Sơn, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn đặc khu Lý Sơn

Thực hiện Công văn số 4251/SNNMT-PTNT ngày 07/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, Ủy ban nhân dân đặc khu Lý Sơn báo cáo cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện Chương hàng năm 2025

1. Công tác ban hành văn bản triển khai thực hiện

UBND huyện (nay là đặc khu) đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 21/01/2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Lý Sơn năm 2025; Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 từ nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện (đợt 1); Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 từ nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện (đợt 2); Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND đặc khu Lý Sơn về việc điều chỉnh dự toán thu – chi ngân sách huyện đến ngày 30/6/2025 sang ngân sách đặc khu do thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND đặc khu Lý Sơn về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách đặc khu; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 06/8/2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn đặc khu Lý Sơn năm 2025 ...

2. Công tác phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị, địa phương

Công tác phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị ngày càng chặt chẽ, đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo của địa phương. Tích cực phối hợp trong việc thực hiện công tác giảm nghèo bằng nhiều hình thức như tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực, công lao động, hiện vật, hiến đất để xây dựng đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương... Qua đó, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo: Công tác báo cáo của các đơn vị kịp thời, đảm bảo đầy đủ các nội dung và đúng thời gian yêu cầu.

4. Tình hình, kết quả thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình:

Triển khai lập, thẩm định, phê duyệt cho 03 dự án thực hiện nguồn vốn đầu tư công thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, đối với nguồn vốn sự nghiệp đã lập, thẩm định và phê duyệt dự án thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 1, các dự án khác chưa thẩm định và phê duyệt.

5. Việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ quản chương trình, chủ trì dự án thành phần (nếu có): Không có.

6. Công tác báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vãn đề vượt quá thẩm quyền: Không có.

II. Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn thực hiện lũy kế đến thời điểm giám sát)

* **Tổng kế hoạch vốn năm 2025** là 23.518,082 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 17.599,59 triệu đồng (vốn đầu tư 9.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.779,59 triệu đồng); ngân sách tỉnh 1.847,954 triệu đồng (vốn đầu tư 900 triệu đồng, vốn sự nghiệp 947,954 triệu đồng); ngân sách đặc khu 4.070,538 triệu đồng (vốn đầu tư 3.590 triệu đồng, vốn sự nghiệp 480,538 triệu đồng). Trong đó:

- Vốn được phép kéo dài từ các năm trước là 645,082 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 464,59 triệu đồng (vốn đầu tư 0 triệu đồng, vốn sự nghiệp 464,59 triệu đồng); ngân sách tỉnh 116,954 triệu đồng (vốn đầu tư 0 triệu đồng, vốn sự nghiệp 116,954 triệu đồng); ngân sách đặc khu 63,538 triệu đồng (vốn đầu tư 0 triệu đồng, vốn sự nghiệp 63,538 triệu đồng), vốn huy động khác 0 triệu đồng.

- Vốn năm 2025 là 22.873 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 17.135 triệu đồng (vốn đầu tư 9.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 8.315 triệu đồng); ngân sách tỉnh 1.731 triệu đồng (vốn đầu tư 900 triệu đồng, vốn sự nghiệp 831 triệu đồng); ngân sách đặc khu 4.007 triệu đồng (vốn đầu tư 3.590 triệu đồng, vốn sự nghiệp 417 triệu đồng), vốn huy động khác 0 triệu đồng.

* **Kết quả giải ngân đến ngày 15/10/2025:** 7.906,811 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 7.629 triệu đồng (vốn đầu tư 6.729 triệu đồng, vốn sự nghiệp 900 triệu đồng); ngân sách tỉnh 177 triệu đồng (vốn đầu tư 87 triệu đồng, vốn sự nghiệp 90 triệu đồng); ngân sách đặc khu 100,811 triệu đồng (vốn đầu tư 31,571 triệu đồng, vốn sự nghiệp 69,24 triệu đồng), vốn huy động khác 0 triệu đồng, trong đó:

- Vốn được phép kéo dài từ các năm trước là 31,24 triệu đồng; ngân sách đặc khu 31,24 triệu đồng (vốn đầu tư 0 triệu đồng, vốn sự nghiệp 31,24 triệu đồng).

- Vốn năm 2025 là 7.875,571 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 7.629 triệu đồng (vốn đầu tư 6.729 triệu đồng, vốn sự nghiệp 900 triệu đồng); ngân sách tỉnh 177 triệu đồng (vốn đầu tư 87 triệu đồng, vốn sự nghiệp 90 triệu đồng); ngân sách đặc khu 69,571 triệu đồng (vốn đầu tư 31,571 triệu đồng, vốn sự nghiệp 38 triệu đồng), vốn huy động khác 0 triệu đồng.

Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án cụ thể như sau:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

*** Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Tổng kinh phí: 14.525 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 9.900 triệu đồng (đầu tư phát triển 9.000 triệu đồng; sự nghiệp 900 triệu đồng); ngân sách tỉnh 990 triệu đồng (đầu tư phát triển 900 triệu đồng; sự nghiệp 90 triệu đồng); ngân sách đặc khu 3.635 triệu đồng (đầu tư phát triển 3.590 triệu đồng; sự nghiệp 45 triệu đồng); huy động khác 0 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện:

+ Số công trình được đầu tư 04 công trình. Trong đó, số đầu tư mới 04 công trình, công trình chuyển tiếp 0 công trình; số công trình cấp đặc khu làm chủ đầu tư 04 công trình, tổng số hộ được hưởng lợi 5.945 hộ (trong đó: số hộ nghèo 311 hộ, hộ cận nghèo 208 hộ, hộ dân tộc thiểu số 0 hộ).

+ Số công trình duy tu bảo dưỡng 0 công trình.

- Kết quả giải ngân: 7.875,571 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 7.629 triệu đồng (vốn đầu tư 6.729 triệu đồng, vốn sự nghiệp 900 triệu đồng); ngân sách tỉnh 177 triệu đồng (vốn đầu tư 87 triệu đồng, vốn sự nghiệp 90 triệu đồng); ngân sách đặc khu 69,571 triệu đồng (vốn đầu tư 31,571 triệu đồng, vốn sự nghiệp 38 triệu đồng), vốn huy động khác 0 triệu đồng.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Tổng kinh phí: 3.726 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 3.240 triệu đồng; ngân sách tỉnh 324 triệu đồng, ngân sách đặc khu 162 triệu đồng; huy động khác 0 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đã thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Hiện có 02 đơn vị đề xuất thực hiện dự án, tuy nhiên do vướng mắc về phân cấp thành lập hội đồng thẩm định nên chưa tổ chức thẩm định.

- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Tổng kinh phí: 1.534 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 1.334 triệu đồng, ngân sách tỉnh 133 triệu đồng, ngân sách đặc khu 67 triệu đồng; huy động khác 0 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đang triển khai bước tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện.
- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Tổng kinh phí 336 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 292 triệu đồng, ngân sách tỉnh 29 triệu đồng, ngân sách đặc khu 15 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện.
- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Tổng kinh phí: 1.291 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 1.123 triệu đồng, ngân sách tỉnh 112 triệu đồng, ngân sách đặc khu 56 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện.
- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Tổng kinh phí: 49 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 43 triệu đồng, ngân sách tỉnh 4 triệu đồng, ngân sách đặc khu 2 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện.
- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Tổng kinh phí: 423 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 367 triệu đồng, ngân sách tỉnh 37 triệu đồng, ngân sách đặc khu 19 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện.
- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Không có giao kinh phí thực hiện.

6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Tổng kinh phí: 347 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 367 triệu đồng, ngân sách tỉnh 37 triệu đồng, ngân sách đặc khu 19 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện: Tổ chức tuyên truyền cho nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài.
- Kết quả giải ngân: Tổng kinh phí: 50 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 42,5 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5 triệu đồng, ngân sách đặc khu 2,5 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Tổng kinh phí: 182 triệu đồng, trong đó, ngân sách trung ương 158 triệu đồng, ngân sách tỉnh 16 triệu đồng, ngân sách đặc khu 8 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện tuyên truyền trên đài phát thanh truyền thông đặc khu Lý Sơn và xây dựng lại các bảng pano tuyên truyền đã hư hỏng.

- Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Tổng kinh phí: 433 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 376 triệu đồng, ngân sách tỉnh 38 triệu đồng, ngân sách đặc khu 19 triệu đồng.

- + Kết quả thực hiện: Đã tổ chức 01 lớp tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức và rà soát viên các thôn về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- + Kết quả giải ngân: 71.953.000 đồng, đạt 16,6% so với kế hoạch vốn giao.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Tổng kinh phí: 207 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương 180 triệu đồng; ngân sách tỉnh 18 triệu đồng, ngân sách đặc khu 9 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đang triển khai tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.

- + Kết quả giải ngân: Chưa giải ngân.

III. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

Thực hiện Công văn số 760/UBND-KGVX ngày 28/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thông báo mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của các xã, phường, đặc khu và Công văn số 1139/UBND-KGVX ngày 08/8/2025 về việc thay thế phụ lục ban hành kèm theo Công văn số 760/UBND-KGVX ngày 28/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, theo đó giao chỉ tiêu hộ nghèo, hộ cận nghèo cho UBND đặc khu Lý Sơn năm 2025 cụ thể: Hộ nghèo là 246 hộ giảm 65 hộ so với năm 2024, hộ cận nghèo là 128 hộ giảm 80 hộ so với năm 2024. Trên cơ sở số liệu của UBND tỉnh giao, UBND đặc khu Lý Sơn đã ban hành Công văn số 1400/UBND ngày 17/9/2025 về việc thông báo chỉ tiêu, nhiệm vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 cho các thôn. Hiện tại các thôn đã rà soát xong đang tổng hợp kết quả rà soát và công khai tại nhà văn hoá thôn.

2. Số mô hình được nhân rộng; số dự án được phê duyệt so với kế hoạch: Hiện có 04 dự án thuộc dự án 1 đã phê duyệt và triển khai thực hiện trong đó 03 dự án đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, 01 dự án đang triển khai thực hiện dự kiến hoàn thành trong tháng 11 năm 2025. Đối với các dự án, mô hình thuộc tiểu dự án khác đang triển khai thực hiện thủ tục pháp lý.

3. Tỷ lệ % người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo (cũ), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất so với kế hoạch.

4. Số lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có việc làm bền vững/ tổng số

hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đang rà soát.

5. Tỷ lệ % cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về công tác giảm nghèo: 100% cán bộ là công tác giảm nghèo được tập huấn bồi dưỡng trong năm 2025.

6. Tỷ lệ % người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm: Đang chuẩn bị triển khai thực hiện tổ chức tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn đặc khu.

7. Số người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

8. Số người lao động thuộc các huyện nghèo (cũ), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đào tạo; Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Không có.

9. Tỷ lệ % người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế.

10. Tỷ lệ % suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo (cũ), các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Đang rà soát.

11. Tỷ lệ % trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi: Đang rà soát.

12. Tỷ lệ % người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo; trong đó số người có bằng cấp chứng chỉ; số người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

13. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (cũ) được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.: Không có.

14. Tỷ lệ % hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ % hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Đang rà soát.

15. Tỷ lệ % hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet. Đang rà soát.

16. Tỷ lệ % hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo (cũ), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông: Công tác tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, qua đó nâng

cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về công tác xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận thông tin, nâng cao hiểu biết về các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác giảm nghèo, từ đó nâng cao ý thức trong việc vươn lên thoát nghèo bền vững.

IV. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo chung:

- Các chính sách giảm nghèo chung như: tín dụng ưu đãi, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế, dạy nghề, xuất khẩu lao động, chính sách trợ giúp cho các đối tượng yếu thế ... được tổ chức thực hiện đảm bảo đối tượng, định mức quy định.

- Thông qua việc vay vốn tín dụng ưu đãi, hầu hết hộ vay đều sử dụng nguồn vốn có hiệu quả kinh tế mang lại thu nhập ổn định cho người dân.

V. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều nhiệm vụ, quy định còn chậm, chưa cụ thể đối với chính quyền cấp xã nên khó khăn trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Công tác đào tạo nghề cho người lao động thuộc nghèo, cận nghèo gặp nhiều khó khăn, đa số những đối tượng hộ nghèo, cận nghèo là cao tuổi, thuộc diện bảo trợ xã hội, những đối tượng trong độ tuổi lao động thì đa số làm nông nghiệp, số lao động có nhu cầu tham gia học nghề tham gia các ngành nghề khác nhau nên không đảm bảo quy định để mở lớp.

- Người lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo chưa mạnh dạn đăng ký tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nên trong năm không có người là động nào thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo tham gia đi làm việc ở nước ngoài. Đó cũng là rào cản lớn để các hộ nghèo, cận nghèo tự vươn lên thoát nghèo.

VI. Tình hình thực hiện những kiến nghị của lần giám sát trước (nếu Có). Không có.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có.

Kèm theo Báo cáo các Biểu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15.

Kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Phòng Kinh tế;
- Phòng Văn hoá – Xã hội;
- VP, CVP, PCVP;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Đình Mẫn

